

Số: 32/TB-MPC25

Cà Mau, ngày 15 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất 6 tháng đầu năm 2025

- ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/08/2025 tại đường dẫn: minhphu@minhphu.com

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp Nhất 6 tháng đầu năm 2025
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 15 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 15 tháng 10 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Chu Thị Bình Ông Lê Văn Quang Ông Lê Văn Điệp Ông Phan Thanh Lộc Bà Hồ Thu Lê Ông Nguyễn Nhân Nghĩa Ông Sasaki Takahiro Ông Suzuki Yoshiaki Bà Lê Thị Dịu Minh Ông Bùi Anh Dũng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 21 tháng 6 năm 2025) Thành viên (đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)
--------------------------	---	---

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Lê Văn Điệp Ông Lê Ngọc Anh Bà Lê Thị Dịu Minh Ông Chu Hồng Hà Ông Suzuki Yoshiaki Bà Lê Thị Minh Phú Ông Bùi Anh Dũng Ông Tsunoda Norihisa	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 4 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 8 tháng 4 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 4 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)
--------------------------	---	---

04
H

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Trần Văn Khánh Bà Lâm Thị Thúy Kiều Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 66 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Diệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 15 tháng 8 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 66.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00460-25-2



Triệu Tích Quyên

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.968.719.423.922	6.176.307.171.954
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	239.600.125.626	519.780.134.885
Tiền	111		234.100.125.626	157.280.134.885
Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	362.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.272.162.000	15.313.291.784
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	5.535.941.176	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(5.535.941.176)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	6.272.162.000	12.087.255.390
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.303.722.839.210	1.516.366.465.372
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.167.935.130.490	1.414.743.711.022
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		182.407.436.832	133.162.375.527
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	71.982.970.876	85.347.141.954
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(118.602.698.988)	(116.886.763.131)
Hàng tồn kho	140	10	4.214.637.277.099	3.934.263.118.425
Hàng tồn kho	141		4.273.582.520.010	3.975.233.065.192
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.945.242.911)	(40.969.946.767)
Tài sản ngắn hạn khác	150		204.487.019.987	190.584.161.488
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.760.375.628	15.122.493.856
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	165.267.414.542	151.069.487.303
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(c)	23.459.229.817	24.392.180.329

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.412.456.054.682	3.360.460.552.555
Tài sản cố định	220		1.917.790.466.652	1.988.111.381.119
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.780.386.115.962	1.848.122.178.208
Nguyên giá	222		4.244.236.311.815	4.184.611.361.410
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.463.850.195.853)	(2.336.489.183.202)
Tài sản cố định vô hình	227	12	137.404.350.690	139.989.202.911
Nguyên giá	228		189.211.293.307	188.817.455.207
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.806.942.617)	(48.828.252.296)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.147.507.226.120	1.012.446.419.877
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.147.507.226.120	1.012.446.419.877
Đầu tư tài chính dài hạn	250		205.546.976.513	199.976.937.302
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	192.546.976.513	186.976.937.302
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	13.000.000.000	13.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		141.611.385.397	159.925.814.257
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	135.127.909.067	152.951.671.732
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	6.483.476.330	6.974.142.525
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.381.175.478.604	9.536.767.724.509

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

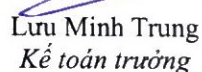
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.238.600.636.888	4.623.920.853.566
Nợ ngắn hạn	310		3.910.876.833.440	4.260.372.921.032
Phải trả người bán ngắn hạn	311		409.477.971.159	487.720.862.135
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		96.371.687.205	55.372.639.317
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	11.259.090.235	22.501.321.206
Phải trả người lao động	314		68.453.795.699	126.818.750.207
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		43.514.720.597	60.647.554.623
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	31.010.266.106	315.292.964.288
Vay ngắn hạn	320	18(a)	3.236.538.932.601	3.112.283.668.681
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	14.250.369.838	79.735.160.575
Nợ dài hạn	330		327.723.803.448	363.547.932.534
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		31.881.239.445	32.271.621.969
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	109.147.972.140	160.617.223.796
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	185.694.591.863	169.659.086.769
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.142.574.841.716	4.912.846.870.943
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.142.574.841.716	4.912.846.870.943
Vốn cổ phần	411	21	4.009.383.000.000	4.009.383.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	292.269.641.421	292.269.641.421
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		187.655.273.253	173.125.325.575
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	22.333.861.879	121.715.806.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		496.939.117.752	183.943.803.019
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		323.598.139.170	380.948.649.679
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/(lỗ) năm trước	421b		173.340.978.582	(197.004.846.660)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		133.993.947.411	132.409.294.886
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.381.175.478.604	9.536.767.724.509

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập:

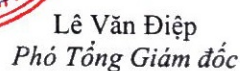


Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng





Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	6.485.631.290.406	6.503.650.132.222
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	17.596.963.878	15.377.169.996
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	6.468.034.326.528	6.488.272.962.226
Giá vốn hàng bán	11	25	5.789.562.923.708	5.848.941.976.990
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		678.471.402.820	639.330.985.236
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	67.912.573.349	48.763.061.825
Chi phí tài chính	22	27	133.138.703.633	118.522.042.028
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		63.883.590.278	66.996.073.804
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(c)	5.570.039.211	11.118.464.124
Chi phí bán hàng	25	28	264.927.910.985	356.692.603.484
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	133.518.283.010	138.139.020.562
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		220.369.117.752	85.858.845.111
Thu nhập khác	31		2.596.036.900	3.058.965.033
Chi phí khác	32		20.848.321.713	23.111.812.772
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(18.252.284.813)	(20.052.847.739)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		202.116.832.939	65.805.997.372
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	8.759.829.181	6.494.091.363
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	16.526.171.289	13.646.413.623
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		176.830.832.469	45.665.492.386

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		176.830.832.469	45.665.492.386
Phân bổ:				
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		173.340.978.582	40.219.432.581
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.489.853.887	5.446.059.805
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	432	101

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	202.116.832.939	65.805.997.372
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	133.055.288.406	125.062.599.731
Các khoản dự phòng	03	21.084.173.177	(23.738.433.309)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.497.012.365	(497.976.276)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(19.012.000)	(655.049.029)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05	(2.549.098.134)	(1.448.115.808)
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05	(390.382.524)	(390.382.524)
Phần lãi trong công ty liên kết	05	(5.570.039.211)	(11.118.464.124)
Chi phí lãi vay	06	63.883.590.278	66.996.073.804
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	414.108.365.296	220.016.249.837
Biến động các khoản phải thu	09	172.783.579.386	(433.638.587.078)
Biến động hàng tồn kho	10	(298.349.454.818)	(784.970.283.892)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(5.407.215.758)	363.042.276.782
Biến động chi phí trả trước	12	17.185.880.893	(450.016.031)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	1.833.095.218	-
		302.154.250.217	(636.000.360.382)
Tiền lãi vay đã trả	14	(64.489.845.073)	(66.996.073.804)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.312.372.447)	(6.840.784.866)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	54.619.101
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.599.020.234)	(10.475.550.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	217.753.012.463	(720.258.150.215)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(268.897.867.540)	(181.709.955.227)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	70.650.887	1.011.571.906
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.500.000.000)	(1.837.387.800)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	7.500.000.000	42.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.806.645.399	31.924.252.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(250.020.571.254)	(108.611.518.534)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	6.226.055.555.753	6.463.996.773.594
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.152.551.374.422)	(5.839.661.799.169)
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông và cổ đông không kiểm soát	35	(292.737.358.630)	(372.468.185)
Tiền chi cho hoạt động tài chính khác	36	(15.158.262.779)	(24.794.649.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(234.391.440.078)	599.167.857.051

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(266.658.998.869)	(229.701.811.698)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	519.780.134.885	465.325.427.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền và chênh lệch quy đổi tiền tệ	61	(13.521.010.390)	4.266.695.373
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	239.600.125.626	239.890.311.136

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập

 Lê Quang Huy
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt

 Lưu Minh Trung
 Kế toán trưởng



 Lê Văn Điệp
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) với mã giao dịch là MPC.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản; xây dựng và phát triển nhà dân dụng để bán và cho thuê cùng với các cơ sở (bao gồm cơ sở thương mại) nhằm mục đích cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 16 công ty con, chi tiết như sau:

STT	Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết 30/6/2025	1/1/2025	% lợi ích kinh tế 30/6/2025	1/1/2025
1.	Mseafood Corporation	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
2.	Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	98,27%	98,27%	98,27%	98,27%
3.	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,50%	99,50%	99,50%	99,50%
4.	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,17%	99,17%	99,17%	99,17%
5.	Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,89%	99,89%	99,89%	99,89%
6.	Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú (i)	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	99,83%	99,83%	99,83%	99,83%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết 30/6/2025	1/1/2025	% lợi ích kinh tế 30/6/2025	1/1/2025
7.	Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
8.	Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
9.	Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
10.	Ebisumo Logistic Co., Ltd.	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
11.	Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
12.	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
13.	Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
14.	Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
15.	Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	99,95%	99,95%	99,09%	99,09%



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết 30/6/2025	1/1/2025	% lợi ích kinh tế 30/6/2025	1/1/2025
16.	Công ty TNHH Xã hội Tôm Chứng nhận Minh Phú	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd. được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

(i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.

(ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích tại Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,95% lợi ích tại công ty này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú Hậu Giang”).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 2 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 12.546 nhân viên (1/1/2025: 12.823 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch, trừ các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro tiền tệ bằng các công cụ tài chính, các khoản này không được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	2 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 12 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 38 năm đến 59 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 20 năm đến 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ/năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Bộ phận kinh doanh khác

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.722.652.260.594	2.599.016.293.031	135.011.891.701	11.353.881.202	-	6.468.034.326.528
Doanh thu giữa các bộ phận	2.424.341.214.344	198.943.086.220	187.559.113.257	598.479.512.022	(3.409.322.925.843)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	6.146.993.474.938	2.797.959.379.251	322.571.004.958	609.833.393.224	(3.409.322.925.843)	6.468.034.326.528
Kết quả kinh doanh của bộ phận	300.401.235.793	43.519.929.282	(73.164.506.455)	9.268.550.205	-	280.025.208.825

Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Phần lãi trong công ty liên kết

67.912.573.349
(133.138.703.633)
5.570.039.211

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

220.369.117.752

Thu nhập khác

2.596.036.900

Chi phí khác

(20.848.321.713)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(25.286.000.470)

Lợi nhuận thuần sau thuế

176.830.832.469

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	4.646.844.597.919	1.749.599.710.006	69.618.962.014	22.209.692.287	-	6.488.272.962.226
Doanh thu giữa các bộ phận	1.463.650.113.086	447.402.602.569	231.887.790.090	522.944.783.048	(2.665.885.288.793)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	6.110.494.711.005	2.197.002.312.575	301.506.752.104	545.154.475.335	(2.665.885.288.793)	6.488.272.962.226
Kết quả kinh doanh của bộ phận	167.882.889.985	50.218.913.975	(85.186.126.579)	11.583.683.809	-	144.499.361.190
Doanh thu hoạt động tài chính						48.763.061.825
Chi phí tài chính						(118.522.042.028)
Phần lãi trong công ty liên kết						11.118.464.124
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh						85.858.845.111
Thu nhập khác						3.058.965.033
Chi phí khác						(23.111.812.772)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(20.140.504.986)
Lợi nhuận thuần sau thuế						45.665.492.386

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận						8.800.398.227.564
Tài sản không phân bổ	11.902.883.656.127	1.945.429.951.706	1.414.018.517.794	776.737.210.369	(7.238.671.108.432)	580.777.251.040
Tổng tài sản						9.381.175.478.604
Nợ phải trả của bộ phận						3.917.130.230.292
Nợ phải trả không phân bổ	4.645.001.086.901	1.101.837.132.736	466.623.700.281	173.819.467.617	(2.470.151.157.243)	321.470.406.596
Tổng nợ phải trả						4.238.600.636.888
<i>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>						
Chi tiêu vốn	133.846.601.467	875.332.135	60.694.652.440	2.500.616.321	-	197.917.202.363
Khấu hao và phân bổ	58.730.630.516	528.526.511	70.857.682.651	2.938.448.728	-	133.055.288.406

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	11.342.707.366.413	1.716.735.310.781	1.459.925.314.019	758.533.071.961	(6.304.839.564.832)	8.973.061.498.342
Tài sản không phân bổ						563.706.226.167
Tổng tài sản						9.536.767.724.509
Nợ phải trả của bộ phận	4.246.522.120.107	861.020.192.037	424.796.830.626	143.973.732.917	(1.436.255.725.177)	4.240.057.150.510
Nợ phải trả không phân bổ						383.863.703.056
Tổng nợ phải trả						4.623.920.853.566
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Chi tiêu vốn	131.255.288.035	-	31.527.979.710	7.536.794.345	-	170.320.062.090
Khấu hao và phân bổ	55.443.332.664	252.724.010	67.260.348.086	2.106.194.971	-	125.062.599.731

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2024
	30/6/2025	VND
	VND	VND
Bắc Mỹ	1.962.363.522.451	1.649.978.846.412
Nhật Bản	1.590.801.122.253	1.166.666.960.466
Châu Âu	916.598.167.604	1.211.115.279.518
Úc	858.771.608.493	1.083.176.582.861
Hàn Quốc	443.092.938.538	434.996.368.273
Việt Nam	295.253.852.380	290.387.157.635
Các vùng địa lý khác	401.153.114.809	651.951.767.061
	<hr/>	<hr/>
	6.468.034.326.528	6.488.272.962.226
	<hr/>	<hr/>

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Việt Nam	8.675.150.893.888	8.877.956.223.420
Bắc Mỹ	670.627.847.320	632.711.922.298
Nhật Bản	35.396.737.396	26.099.578.791
	<hr/>	<hr/>
	9.381.175.478.604	9.536.767.724.509
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.480.172.221	2.771.706.915
Tiền gửi ngân hàng	232.619.953.405	154.508.427.970
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	362.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	239.600.125.626	519.780.134.885
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi, được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm là 4,1% (1/1/2025: 3,8% đến 4,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2025			1/1/2025		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư vào cổ phiếu:						
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	-	(5.263.000.000)	112.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	-	(272.941.176)	18.823	272.941.176
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	-	-	-	-	18	180.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	-	-	-	-	19	80.000
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	-	-	-	-	163.646	3.270.588.235
		5.535.941.176	-	(5.535.941.176)		8.806.789.411
						3.600.997.700
						(5.580.753.017)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.806.789.411	8.806.789.411
Thanh lý trong kỳ	(3.270.848.235)	-
Số dư cuối kỳ	5.535.941.176	8.806.789.411

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.580.753.017	5.580.753.017
Dự phòng tăng trong kỳ	1.392.941.176	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.437.753.017)	-
Số dư cuối kỳ	5.535.941.176	5.580.753.017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	6.272.162.000	12.087.255.390
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành (ii)	13.000.000.000	13.000.000.000

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo và hưởng lãi suất năm là 1,25% (1/1/2025: 1,25% đến 4,00%).
- (ii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 31 tháng 7 năm 2020, ngày 18 tháng 11 năm 2021 và ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn lần lượt vào ngày 30 tháng 7 năm 2030, ngày 18 tháng 11 năm 2031 và ngày 20 tháng 7 năm 2031 và hưởng lãi suất năm từ 5,88% đến 8,53% (1/1/2025: từ 5,98% đến 8,53%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09aa – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết

	Địa chỉ	%	quyền biểu quyết	lợi ích kinh tế	30/6/2025		1/1/2025	
					Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”) ▪ Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”) (**)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	23.079.481.710	(*)	19.884.045.137	(*)
	Tỉnh Cần Thơ, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	169.467.494.803	(*)	167.092.892.165	(*)
					192.546.976.513		186.976.937.302	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty gián tiếp nắm giữ 49,00% lợi ích tại Công ty Mekong Logistics thông qua công ty con là Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú.

Tất cả khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thể chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	186.976.937.302	219.257.682.960
Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết	-	(28.420.000.000)
Phần lãi trong các công ty liên kết	5.570.039.211	11.118.464.124
Số dư cuối kỳ	192.546.976.513	201.956.147.084

Thông tin tài chính được trích từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết tại ngày lập báo cáo như sau:

Tại ngày và cho kỳ
sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm
2025

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn	Lợi nhuận
	VND	VND	chủ sở hữu	thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Aquamekong	68.533.956.895	30.383.497.854	38.150.459.041	6.521.299.128
Mekong Logistics	360.771.122.821	29.265.555.627	331.505.567.194	4.846.127.833

Tại ngày và cho kỳ
sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm
2024

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn	Lợi nhuận
	VND	VND	chủ sở hữu	thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Aquamekong	65.512.633.581	25.788.183.244	39.724.450.337	4.774.027.027
Mekong Logistics	370.120.640.466	9.613.367.599	360.507.272.867	17.916.716.084

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
▪ KB Seafood Company Pty Ltd.	200.862.320.542	260.577.563.209
▪ Central Seaway Co.	139.898.343.000	113.810.872.782
▪ JULIA ALEX ASIANFOOD s.r.o	118.436.883.584	119.959.626.332
▪ H.T. Foods Pvt Ltd.	113.137.381.815	113.137.381.815
▪ Censea Inc.	-	113.810.872.782
▪ Các khách hàng khác	595.600.201.549	693.447.394.102
	<hr/>	<hr/>
	1.167.935.130.490	1.414.743.711.022
	<hr/>	<hr/>

Tất cả khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)).

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên (*)	57.056.131.546	55.586.060.959
Đặt cọc ngắn hạn	7.044.295.021	7.064.539.621
Lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức phải thu	1.619.044.192	11.876.591.457
Phải thu khác	6.263.500.117	10.819.949.917
	<hr/>	<hr/>
	71.982.970.876	85.347.141.954
	<hr/>	<hr/>

(*) Trong tạm ứng cho nhân viên bao gồm 42.696 triệu VND (1/1/2025: 42.696 triệu VND) tạm ứng để mua đất để phát triển vùng nuôi tôm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng	521.295.021	521.295.021

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng phản ánh khoản đặt cọc cho mục đích thuê văn phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, phải thu ngắn hạn khác có giá trị ghi sổ là 8.563 triệu VND (1/1/2025: 10.012 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2025		Số ngày quá hạn	1/1/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn						
H.T. Foods Pvt Ltd.	Trên 3 năm	113.137.381.815	-	Trên 3 năm	113.137.381.815	-
Công ty TNHH Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	Trên 5 năm	982.302.147	-	Trên 5 năm	982.302.147	-
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến Thủy sản Mỏ Ô						
Sóc Trăng	Trên 5 năm	771.913.390	-	Trên 5 năm	771.913.390	-
Công ty TNHH Thanh Bình	Trên 5 năm	209.324.000	-	Trên 5 năm	209.324.000	-
Công ty TNHH Năm Dững	Trên 5 năm	353.238.600	-	-	-	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	3.148.539.036	-	Trên 3 năm	1.785.841.779	-
		118.602.698.988	-		116.886.763.131	-
Trong đó:						
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(118.602.698.988)			(116.886.763.131)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	116.886.763.131	123.860.676.352
Tăng trong kỳ	1.715.935.857	123.664.236
Số dư cuối kỳ	118.602.698.988	123.984.340.588

10. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	408.560.875	-	78.175.597.215	-
Nguyên vật liệu	638.737.408.638	(3.168.948.857)	202.048.860.171	-
Công cụ và dụng cụ	43.883.383.376	(11.392.215)	39.977.977.904	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	186.454.898.079	(10.055.184.916)	208.123.489.958	(31.093.314.664)
Thành phẩm	3.404.098.269.042	(45.709.716.923)	3.446.907.139.944	(9.876.632.103)
	4.273.582.520.010	(58.945.242.911)	3.975.233.065.192	(40.969.946.767)

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 16.189 triệu VND (1/1/2025: Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	40.969.946.767	123.137.031.984
Trích lập dự phòng trong kỳ	48.742.847.002	14.145.454.514
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(30.767.550.858)	(38.007.552.059)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(57.004.814.894)
Số dư cuối kỳ	58.945.242.911	42.270.119.545

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.800.025.067.739	1.949.978.805.088	403.935.957.294	30.671.531.289	4.184.611.361.410
Tăng trong kỳ	7.781.609.211	11.746.125.466	401.200.000	1.088.590.400	21.017.525.077
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	35.191.876.681	6.646.994.362	-	-	41.838.871.043
Thanh lý	-	(3.125.708.737)	(440.000.000)	-	(3.565.708.737)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	317.883.502	-	-	16.379.520	334.263.022
Số dư cuối kỳ	1.843.316.437.133	1.965.246.216.179	403.897.157.294	31.776.501.209	4.244.236.311.815
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	823.577.399.762	1.326.138.500.520	162.016.736.724	24.756.546.196	2.336.489.183.202
Khấu hao trong kỳ	71.730.861.526	46.499.138.783	11.532.166.164	769.547.348	130.531.713.821
Thanh lý	-	(3.104.625.413)	(409.444.437)	-	(3.514.069.850)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	326.989.160	-	-	16.379.520	343.368.680
Số dư cuối kỳ	895.635.250.448	1.369.533.013.890	173.139.458.451	25.542.473.064	2.463.850.195.853
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	976.447.667.977	623.840.304.568	241.919.220.570	5.914.985.093	1.848.122.178.208
Số dư cuối kỳ	947.681.186.685	595.713.202.289	230.757.698.843	6.234.028.145	1.780.386.115.962

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 1.478.673 triệu VND (1/1/2025: 1.319.377 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 648.884 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (1/1/2025: 110.386 triệu VND và 536.081 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng lần lượt để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn) (Thuyết minh 18).

Giá trị còn lại của một số tài sản cố định tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 70.574 triệu VND (1/1/2025: 25.389 triệu VND).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	20.702.670.510	131.943.393.304	36.171.391.393	188.817.455.207
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	373.211.490	-	20.626.610	393.838.100
Số dư cuối kỳ	21.075.882.000	131.943.393.304	36.192.018.003	189.211.293.307
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	24.657.843.898	24.170.408.398	48.828.252.296
Khấu hao trong kỳ	-	1.500.515.250	1.478.175.071	2.978.690.321
Số dư cuối kỳ	-	26.158.359.148	25.648.583.469	51.806.942.617
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	20.702.670.510	107.285.549.406	12.000.982.995	139.989.202.911
Số dư cuối kỳ	21.075.882.000	105.785.034.156	10.543.434.534	137.404.350.690

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 5.960 triệu VND (1/1/2025: 5.152 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 39.889 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (1/1/2025: 32.847 triệu VND và 7.629 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng lần lượt để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn) (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.012.446.419.877	1.412.545.844.995
Tăng trong kỳ	176.899.677.286	147.756.013.764
Vốn hóa chi phí lãi vay	-	6.441.781.158
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.838.871.043)	(617.551.315.038)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(9.731.076.145)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(845.377.101)
Số dư cuối kỳ	1.147.507.226.120	938.615.871.633

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn bao gồm:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nhà máy Khánh An	617.368.451.581	502.424.848.755
Đường ống nước biển cho hồ nuôi tôm	303.355.894.404	302.953.238.956
Hồ nuôi tôm	118.974.097.412	66.757.776.082
Quyền sử dụng đất	100.188.126.294	100.188.126.294
San lấp mặt bằng	2.062.261.502	26.136.600.000
Các công trình khác	5.558.394.927	13.985.829.790
	1.147.507.226.120	1.012.446.419.877

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 2.062 triệu VND (1/1/2025: Không) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)); và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 546.429 triệu VND (1/1/2025: 439.170 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	62.932.688.124	89.296.728.721	722.254.887	152.951.671.732
Tăng trong kỳ	1.193.491.422	24.186.591.914	-	25.380.083.336
Phân bổ trong kỳ	(2.486.988.019)	(39.994.603.095)	(722.254.887)	(43.203.846.001)
Số dư cuối kỳ	61.639.191.527	73.488.717.540	-	135.127.909.067

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	6.376.247.887	6.454.324.392
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	107.228.443	519.818.133
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.483.476.330	6.974.142.525
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lỗi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	(2.760.176.522)	(6.460.886.297)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	(182.934.415.341)	(163.198.200.472)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(185.694.591.863)	(169.659.086.769)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ/ phân loại lại VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.250.764.866	52.770.870.410	(8.557.677.048)	(51.220.950.193)	4.739.231.335	2.982.239.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.723.510.989	8.759.829.181	(10.312.372.447)	2.926.976	(86.645.960)	5.087.248.739
Thuế thu nhập cá nhân	10.526.325.351	8.883.787.854	(17.070.422.336)	(150.808.743)	-	2.188.882.126
Thuế khác	720.000	1.633.876.684	(465.886.129)	(158.232.965)	(9.757.590)	1.000.720.000
	22.501.321.206	72.048.364.129	(36.406.357.960)	(51.527.064.925)	4.642.827.785	11.259.090.235

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2025 VND	Số phát sinh VND	Số được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151.069.487.303	116.109.416.788	(50.690.539.356)	(51.220.950.193)	-	165.267.414.542

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số đã cần trừ/ phân loại lại VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	30/6/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.206.271.863	2.926.976	(694.938.150)	18.514.260.689
Thuế thu nhập cá nhân	388.214.995	(150.808.743)	8.721.932	246.128.184
Thuế nhập khẩu	761.228.697	3.737.153	-	764.965.850
Thuế nhà thầu	3.877.153.278	(189.005.148)	59.380.438	3.747.528.568
Thuế khác	159.311.496	27.035.030	-	186.346.526
	24.392.180.329	(306.114.732)	(626.835.780)	23.459.229.817

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	23.389.361.523	15.446.823.752
Cổ tức phải trả	3.549.846.675	294.167.205.305
Chi phí lãi vay phải trả	-	606.254.795
Phải trả khác	4.071.057.908	5.072.680.436
	31.010.266.106	315.292.964.288

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đặt cọc dài hạn nhận được	1.000.000.000	1.000.000.000

Tập đoàn không có khoản phải trả khác nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025 VND	Biến động trong kỳ		Chênh lệch do đánh giá lại VND	30/6/2025 VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	3.022.537.546.552	6.145.399.919.426	(5.990.727.698.548)	(718.169.067)	3.176.491.598.363
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	89.746.122.129	46.122.438.597	(75.821.226.488)	-	60.047.334.238
	3.112.283.668.681	6.191.522.358.023	(6.066.548.925.036)	(718.169.067)	3.236.538.932.601
Số có khả năng trả nợ	3.112.283.668.681				3.236.538.932.601

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2025	1/1/2025
		2025	2024	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (*)					
▪ Khoản vay 1	VND	4,4% - 4,6%	3,2% - 3,8%	1.054.908.449.152	344.206.733.587
▪ Khoản vay 2	VND	3,6% - 4,0%	3,6% - 4,0%	919.781.191.847	209.258.460.783
▪ Khoản vay 3	USD	4,1%	3,8% - 4,0%	107.011.390.620	817.317.870.236
▪ Khoản vay 4	USD	3,9% - 4,0%	3,9% - 4,0%	9.175.748.400	697.650.708.421
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (*)					
▪ Khoản vay 1	VND	4,4% - 4,6%	-	551.855.412.851	-
▪ Khoản vay 2	VND	3,4% - 4,1%	-	59.700.000.000	-
▪ Khoản vay 3	USD	-	3,5% - 3,8%	-	391.719.803.534
▪ Khoản vay 4	USD	-	3,7% - 3,9%	-	172.094.703.805
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (*)					
▪ Khoản vay 1	VND	3,5% - 4,0%	3,5% - 4,0%	263.714.259.317	181.572.011.474
▪ Khoản vay 2	VND	4,6%	-	69.406.894.176	-
▪ Khoản vay 3	USD	-	3,6% - 3,9%	-	74.498.544.663
▪ Khoản vay 4	USD	-	3,8% - 4,0%	-	74.201.532.397
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (**)					
▪ Khoản vay 1	USD	3,6%	3,6%	140.938.252.000	60.017.177.652
				3.176.491.598.363	3.022.537.546.552



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Các khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh 6(c))
- Đầu tư vào các công ty con của Công ty
- Phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 7)
- Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)
- Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)

(**) Các khoản vay ngắn hạn này không có đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Vay dài hạn	169.195.306.378	250.363.345.925
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(60.047.334.238)	(89.746.122.129)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	109.147.972.140	160.617.223.796
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm		Năm đáo hạn	30/6/2025		1/1/2025
	2025	2024		VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	-	6,60%	2025 - 2027	-	142.586.449.386
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	7,00% - 7,70%	10,04%	2025 - 2028	169.195.306.378	107.776.896.539
					169.195.306.378	250.363.345.925

Các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)
 - Trả trước cho người bán của một công ty con
- (Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025: thế chấp bởi tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11), tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12), xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13), và trả trước cho người bán của một công ty con).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	79.735.160.575	80.778.590.899
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20) (*)	(55.430.654.767)	-
Sử dụng trong kỳ	(10.054.135.970)	(10.778.960.755)
Tăng khác	-	54.619.101
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	14.250.369.838	70.054.249.245
	<hr/>	

(*) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 6 năm 2025 đã thông qua việc hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 55.431 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng nguồn vốn phân bổ cho chủ sở hữu Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	153.153.670.889	103.309.972.911	775.521.309.414	5.323.257.594.635	133.939.804.540	5.457.197.399.175
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	40.219.432.581	40.219.432.581	5.446.059.805	45.665.492.386
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(954.210.000)	(954.210.000)
Sử dụng quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	(24.794.649.189)	-	(24.794.649.189)	-	(24.794.649.189)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	21.953.184.323	-	-	21.953.184.323	2.552.470.602	24.505.654.925
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	175.106.855.212	78.515.323.722	815.740.741.995	5.360.635.562.350	140.984.124.947	5.501.619.687.297
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.009.383.000.000	292.269.641.421	173.125.325.575	121.715.806.042	183.943.803.019	4.780.437.576.057	132.409.294.886	4.912.846.870.943
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	173.340.978.582	173.340.978.582	3.489.853.887	176.830.832.469
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.120.000.000)	(2.120.000.000)
Hoàn nhập quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	-	(84.223.681.384)	84.223.681.384	-	-	-
Sử dụng quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	(15.158.262.779)	-	(15.158.262.779)	-	(15.158.262.779)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
(Thuyết minh 19) (*)	-	-	-	-	55.430.654.767	55.430.654.767	-	55.430.654.767
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	14.529.947.678	-	-	14.529.947.678	214.798.638	14.744.746.316
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	4.009.383.000.000	292.269.641.421	187.655.273.253	22.333.861.879	496.939.117.752	5.008.580.894.305	133.993.947.411	5.142.574.841.716

(*) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 6 năm 2025 đã thông qua việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi lần lượt là 84.224 triệu VND và 55.431 triệu VND.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	400.938.300	4.009.383.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	400.938.300	4.009.383.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	292.269.641.421	-	292.269.641.421

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động trong vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	29.760.362.143	27.900.777.998
Từ hai đến năm năm	29.120.119.587	32.714.654.309
Sau năm năm	1.795.360.320	2.504.443.687
	<hr/>	<hr/>
	60.675.842.050	63.119.875.994
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
JPY	765.638.439	137.814.379.020	642.000.964	104.646.157.132
USD	2.624.212	68.229.544.779	1.222.669	31.092.407.914
EUR	17.191	516.600.623	30.571	812.748.943
CAD	2.767	52.565.210	1.230	21.187.826
AUD	33	509.656	64	1.015.150
		<hr/>		<hr/>
		206.613.599.288		136.573.516.965
		<hr/>		<hr/>

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày lập báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tập đoàn có các cam kết bán JPY và CAD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Cam kết hợp đồng bán JPY kỳ hạn	609.647.527.000	178.829.700.000
Cam kết hợp đồng bán CAD kỳ hạn	4.775.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	614.422.527.000	178.829.700.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	212.081.421.589	218.568.834.649

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	6.472.403.291.988	6.486.063.016.492
▪ Phế liệu đã bán	11.607.038.884	16.467.300.053
▪ Doanh thu khác	1.620.959.534	1.119.815.677
	6.485.631.290.406	6.503.650.132.222
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiếu khấu thương mại	252.739.550	801.628.969
▪ Hàng bán bị trả lại	17.344.224.328	14.575.541.027
	17.596.963.878	15.377.169.996
Doanh thu thuần	6.468.034.326.528	6.488.272.962.226

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	5.771.587.627.564	5.872.804.074.535
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17.975.296.144	(23.862.097.545)
	5.789.562.923.708	5.848.941.976.990

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	2.549.098.134	1.284.445.808
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	64.191.968.562	46.761.418.709
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	157.695.571	501.936.590
Cổ tức được chia từ chứng khoán kinh doanh	-	163.670.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.013.811.082	51.590.718
	67.912.573.349	48.763.061.825

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	63.883.590.278	66.996.073.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	65.169.463.227	51.521.006.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.654.707.936	3.960.314
Chi phí tài chính khác	1.430.942.192	1.001.156
	133.138.703.633	118.522.042.028

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	101.799.860.188	128.813.973.348
Chi phí thuê kho	67.057.567.891	121.527.095.352
Phí hoa hồng	41.618.418.593	62.040.751.850
Chi phí nhân viên	21.574.399.339	21.706.059.322
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.539.700.500	1.313.579.629
Chi phí bán hàng khác	31.337.964.474	21.291.143.983
	264.927.910.985	356.692.603.484

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	76.623.223.365	85.051.156.233
Chi phí dụng cụ văn phòng	7.857.667.237	10.396.485.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.821.905.901	7.873.030.880
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.053.005.256	8.531.520.004
Phí ngân hàng và lệ phí khác	5.518.834.476	5.527.631.356
Chi phí quản lý khác	21.643.646.775	20.759.196.875
	133.518.283.010	138.139.020.562

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.570.622.895.743	5.397.018.336.227
Chi phí nhân công và nhân viên	847.895.900.561	863.234.299.886
Chi phí khấu hao và phân bổ	113.421.853.279	104.713.708.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.728.787.562	385.931.594.206
Chi phí khác	131.259.314.664	149.553.237.889

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	8.759.829.181	6.526.858.947
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(32.767.584)
	8.759.829.181	6.494.091.363
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	16.526.171.289	13.646.413.623
	25.286.000.470	20.140.504.986

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	202.116.832.939	65.805.997.372
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.211.683.294	6.580.599.737
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.408.506.016	7.798.367.378
Ưu đãi thuế	(5.396.229.085)	(14.692.298.403)
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	19.788.914.198	22.175.959.301
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(6.122.880.134)	(4.251.794.875)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho doanh thu từ hoạt động thương mại và thu nhập khác	-	3.754.674.020
Lỗi tính thuế được sử dụng	(10.710.706.510)	(1.229.353.393)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(32.767.584)
Thu nhập không chịu thuế	(557.003.921)	(16.367.000)
Điều chỉnh khác	(336.283.388)	53.485.805
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25.286.000.470	20.140.504.986

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.483.406.454	1.548.340.645	58.872.498.497	5.887.249.850
Lỗi tính thuế	1.599.795.457.004	281.289.288.520	1.818.600.248.536	308.184.284.059
	1.615.278.863.458	282.837.629.165	1.877.472.747.033	314.071.533.909

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Chi phí lãi vay được khấu trừ VND
2029	15.483.406.454

Lỗi tính thuế bao gồm lỗi tính thuế của Công ty và các công ty con. Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	228.411.837.844
2027	Chưa quyết toán	216.112.429.199
2028	Chưa quyết toán	494.228.207.606
2029	Chưa quyết toán	573.032.152.334
2030	Chưa quyết toán	88.010.830.021
		1.599.795.457.004

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị thuế VND
Số dư đầu kỳ	58.872.498.497	5.887.249.850	1.818.600.248.536	308.184.284.059
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(43.389.092.043)	(4.338.909.205)	-	-
Lỗ tính thuế sử dụng trong kỳ	-	-	(99.337.222.601)	(10.710.706.510)
Lỗ tính thuế hết hạn trong kỳ	-	-	(90.073.988.845)	(9.908.138.773)
Những thay đổi khác của lỗ tính thuế	-	-	(29.393.580.086)	(6.276.150.256)
Số dư cuối kỳ	15.483.406.454	1.548.340.645	1.599.795.457.004	281.289.288.520

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị thuế VND
Số dư đầu kỳ	-	-	1.199.889.500.795	208.231.219.725
Lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ	-	-	147.024.771.823	23.405.312.694
Lỗ tính thuế sử dụng trong kỳ	-	-	(5.854.063.778)	(1.229.353.393)
Số dư cuối kỳ	-	-	1.341.060.208.840	230.407.179.026

(e) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Các công ty con

Mseafood Corporation (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận tính thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 21% của lợi nhuận tính thuế.

Ebisumo Logistic Co., Ltd. (“Ebisumo”)

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các công ty con ở Việt Nam

Các công ty con ở Việt Nam của Công ty được hưởng các mức thuế ưu đãi khác nhau trong đó một số công ty con được miễn giảm thuế.

Mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp thông thường áp dụng cho doanh nghiệp tại Việt Nam là 20%.

32. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	173.340.978.582	40.219.432.581

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	400.938.300	399.887.300

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	432	101

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng trọng yếu. Do đó, Tập đoàn không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Mua dịch vụ	19.938.332.179	42.852.255.432
Cổ tức nhận được	-	28.420.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong		
Bán thành phẩm	-	6.000.000
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Chi phí thuê văn phòng	3.445.210.350	2.283.134.610
<i>Thành viên Ban Giám đốc</i>		
Lê Thị Minh Phú – Phó Tổng Giám đốc		
Chi phí thuê văn phòng	1.656.306.000	1.932.612.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các nghiệp vụ với nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Chu Thị Bình	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Quang	75.000.000	75.000.000
Ông Lê Văn Điệp	75.000.000	75.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	150.000.000	150.000.000
Bà Hồ Thu Lê	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	150.000.000	150.000.000
Ông Sasaki Takahiro	150.000.000	150.000.000
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	125.000.000	5.000.000
Bà Lê Thị Dịu Minh (đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)	4.000.000	-
Ông Hamaya Harutoshi (đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	145.000.000
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)	71.000.000	75.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Quang	556.569.802	653.395.993
Bà Chu Thị Bình	587.512.423	615.384.556
Ông Lê Văn Điệp	1.683.883.478	1.729.793.690
Bà Lê Ngọc Anh	-	140.000.000
Bà Lê Thị Dịu Minh	461.330.383	467.115.208
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)	138.600.000	-
Bà Lê Thị Minh Phú (từ ngày 8 tháng 4 năm 2025)	852.141.524	-
Ông Tsunoda Norihisa (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)	277.200.000	415.800.000
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)	11.700.000	11.700.000
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Khánh	205.065.620	208.562.215
Bà Lâm Thị Thúy Kiều	175.570.164	171.222.861
Bà Vũ Thị Thảo Nguyễn	24.000.000	24.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	28.527.328.372	125.726.737.682
---	----------------	-----------------

35. Tính thời vụ của các hoạt động

Hoạt động kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản của Tập đoàn phụ thuộc vào biến động theo mùa do điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Đặc biệt, hoạt động nuôi trồng thủy sản tại các khu vực địa lý quan trọng chịu ảnh hưởng tiêu cực do tình trạng thời tiết nóng và dịch bệnh, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Tập đoàn đã nỗ lực để giảm thiểu những tác động mang tính thời vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để duy trì mức đáp ứng trong kỳ. Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong nửa đầu năm thường thấp hơn do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với cuối năm khi có nhiều lễ hội lớn trên thế giới.

36. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có thay đổi đáng kể trọng yếu nào trong ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ so với ước tính kế toán được sử dụng khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

37. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

38. Thuế tiềm tàng

Trong năm 2024, Cục Hải quan Thành phố Cần Thơ đã thực hiện kiểm tra hải quan cho các năm 2014 và 2015 tại một công ty con và phát hiện thấy một số tờ khai hải quan của công ty con này không được kê khai chính xác và không được hỗ trợ đầy đủ bởi các hồ sơ liên quan. Công ty con này đã bị Cục Hải quan Thành phố Cần Thơ ấn định khoản thuế nhập khẩu bổ sung và lãi phạt chậm nộp.

Với những phát hiện trên, có thể có rủi ro về thuế đối với các năm còn lại chưa được kiểm tra bởi các cơ quan chức năng cũng như đối với các công ty con khác trong Tập đoàn cho những giao dịch tương tự. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế phải trả theo sự diễn giải của Ban Tổng Giám đốc Công ty về các quy định thuế. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng có thể có sự diễn giải khác nhau, và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

0112
DIGI
KPA
HỒ HỒ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các sự kiện phát sinh sau niên độ

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Cục Hải quan Cần Thơ đang thực hiện kiểm tra hải quan cho toàn bộ các năm 2016, 2020 và một phần của các năm 2015, 2018 và 2019 đối với một công ty con của Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc kiểm tra vẫn chưa hoàn tất.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”), với tổng cổ phiếu dự kiến phát hành là 154.700 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu theo ESOP chưa được hoàn tất.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau niên độ cần được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
KCN P8, TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
ĐT: 0290.3839.391 Fax: 0290.3833.119
SỐ: 01/2023/UQBCTC-MPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 10 tháng 01 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ khả năng, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật, nay:

TÔI : LÊ VĂN QUANG

Sinh ngày: 28/10/1958

CCCD số: 022058000698, Ngày cấp 21/12/2021, Do Cục trưởng Cục Cảnh Sát QLHC và TTXH cấp
Địa chỉ thường trú: 82, Đường số 2, Cư xá Đô Thành, P4, Q3, TP.HCM

Chức vụ: Tổng Giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 01/11/2022).

Nay tôi đồng ý ủy quyền cho:

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP

CCCD số: 096072015834, Ngày cấp 28/06/2021 Nơi cấp: Cục Trường Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú kiêm Tổng Giám đốc Nhà Máy MPCM và MPHG

Thay tôi thực hiện các công việc trong phạm vi như sau:

- + Ký các hồ sơ, sổ sách chứng kế toán nhà máy MPCM và MPHG
- + Ký các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất quý, báo cáo tài chính kiểm toán soát xét giữa niên độ, Báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công Ty Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ phải thực hiện các công việc được ủy quyền trên theo đúng: (i) Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật có liên quan. (ii) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công Ty và pháp luật về công việc được ủy quyền nêu trên ./

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 10/01/2026.



LÊ VĂN QUANG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

LÊ VĂN ĐIÊP